TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/HS-PT
Ngày: 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Giàu**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Lê Huy**

Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Hà Phan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** và bà **Trần Ngọc Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 và 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 96/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị T, sinh ngày 06/8/1984, tại Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp M Kh, xã M T A, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ Công ty Bảo Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Tin Lành; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trần Văn Ph, sinh năm 1957 và bà Văn Thị Mỹ D, sinh năm 1960; Bị cáo có chồng là Võ Thanh T (đã chết) và 01 con tên Võ Trần Tuyết N; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2014, đến ngày 21/01/2020 bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Phương Văn Th - Văn phòng luật sư Phương Gia, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Luật sư Trần Chí K - Văn phòng luật sư Phương Gia, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Luật sư Ngô Thị Hoàng A - Công ty Luật hợp danh Thủy Anh, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Luật sư Nguyễn Hoài N - Công ty Luật TNHH Hãng Luật Châu Đại Dương, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Luật sư Cao Thế L - Công ty Luật TNHH Kao Kiến, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

6. Luật sư Nguyễn Thanh H – Văn phòng luật Nguyễn Thanh H, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN (TNHH) DỊCH VỤ BẢO VỆ - VỆ SĨ BẢO ĐỊNH.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO DINH SECURITY CO.,LTD.

Tên công ty viết tắc: BASECO.

Trụ sở tại: Số đường H V nối dài ấp , xã Đ T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu C, sinh năm 1957 - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH DV Bảo vệ - Vệ sĩ Bảo Định (Công ty Bảo Định).

Nơi cư trú: Số 0, khu cư xá N h, ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quốc D, sinh năm 1955 (có mặt); (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/01/2024).

Nơi cư trú: Số 0 ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Ấp M Kh, xã M T A, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

2. Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1965

Nơi cư trú: Số 0 T H Đ, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Số , ấp Đ Ph T, xã Đ H Ph, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Số Ph Th G, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

5. Ông Trần Văn L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Ấp M Kh, xã M T A, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

6. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Ấp B A, xã Đ H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số C khu dân cư Th L, T Ph Th, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

7. Ông Phan Quốc D, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

8. Bà Vương Thị Mỹ H, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Số 0, đường huyện C, ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Nguyễn Thị Huỳnh M, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Số , ấp , xã Đ Th, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số C L Th K, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số /1, ấp M Ph, xã M Ph, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Trần Khánh L, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số /4A T H Đ, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số C N T T, khu phố , phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Số L V Th, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Nguyễn Thị Hạnh L, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Số /2A T N H, phường , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Anh T, anh L và bà H; các Luật sư Th, N, L có mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ Vệ sĩ Thiên Long được thành lập tháng 4/2006 do ông Lê Văn S làm Giám đốc. Đến tháng 4/2007 Công ty Thiên Long được bán lại cho Trần Văn L (em ruột T) với giá là 200.000.000 đồng và L thuê Nguyễn Văn U làm giám đốc Công ty. Đến tháng 8/2008, Trần Văn L bán Công ty Thiên Long cho ông Hồ Tấn Đ đại diện cho các thành viên góp vốn khác với giá 50.000.000 đồng gồm thương hiệu, bàn ghế làm việc và máy vi tính, nhưng Trần Văn L không nhận tiền mặt mà chia tiền bán công ty thành hai phần, mỗi phần 25.000.000 đồng (Trần Văn L một phần và anh ruột L là Trần Văn T một phần) để tiếp tục góp vốn vào công ty kinh doanh. Ngày 19/8/2008, ông Hồ Tấn Đ lập thủ tục đổi tên Công ty Thiên Long thành Công ty

trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ Vệ sĩ Bảo Định (gọi tắt là Công ty Bảo Định). Đến năm 2011 ông Hồ Tấn Đ chết, Công ty do các thành viên góp vốn khác tiếp tục điều hành.

Bị cáo Trần Thị T được Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ Vệ sĩ Thiên Long thuê làm nhiệm vụ thủ quỹ từ tháng 6/2007. Sau khi chuyển đổi thành Công ty Bảo Định và đi vào hoạt động, giám đốc của Công ty Bảo Định tiếp tục thuê Trần Thị T làm thủ quỹ, với nhiệm vụ là mở sổ theo dõi, cập nhật các khoản thu, chi hàng ngày, quản lý thu chi quỹ tiền mặt của công ty, giao dịch gửi tiền vào các ngân hàng và chịu trách nhiệm thu hồi các khoản công nợ bằng tiền mặt của công ty; hàng tháng vào các ngày từ 15 đến 20 cùng với kế toán và giám đốc công ty tiến hành kiểm quỹ tiền mặt, kiểm đếm xác định tiền mặt tồn tại quỹ của công ty.

Đến ngày 11/4/2013, Trần Thị T xin nghỉ việc và Công ty tổ chức bàn giao quỹ tiền mặt từ T cho bà Nguyễn Thu C là giám đốc công ty. Tại biên bản bàn giao ngày 11/4/2013, Trần Thị T chỉ bàn giao số tiền 4.915.200 đồng. Cụ thể: tồn tiền mặt theo sổ quỹ 01 + 02 của Công ty Bảo định tại thời điểm bàn giao là: (-15.584.383 đồng) + 62.950.018 đồng - 42.449.343 đồng (chi tạm ứng có chứng từ) = 4.915.292 đồng.

Tuy nhiên, bà M cho rằng quỹ tiền mặt không thể bị thâm hụt nên số liệu bị cáo T báo cáo và bàn giao âm 15.584.383 đồng là không đúng nên đã chỉ đạo kế toán Nguyễn Trần Khánh L tiến hành kiểm tra chứng từ, sổ sách phát sinh từ ngày 01/5/2012 đến ngày 11/4/2013 thì xác định số tiền thực tế bị cáo T phải bàn giao tiền mặt theo sổ quỹ 01 là 716.477.249 đồng nên Công ty Bảo Định đã có đơn tố giác bị cáo Trần Thị T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang để điều tra, xử lý.

1. Quá trình điều tra xác định hành vi chiếm đoạt tiền của thủ quỹ Trần Thị T như sau:

Ngày 01/7/2010 khi bà Vương Thị Mỹ H nhận nhiệm vụ Giám đốc Công ty Bảo Định, bà H đã chỉ đạo thủ quỹ Trần Thị T và Nguyễn Ngọc T là kế toán của Công ty Bảo Định lập hai hệ thống sổ sách để theo dõi quỹ tiền mặt, gồm:

Sổ quỹ tiền mặt số 01 là sổ quỹ dùng để theo dõi các hoạt động của công ty có hoá đơn chứng từ và dùng để báo cáo thuế, báo cáo quyết toán tài chính năm.

Sổ quỹ tiền mặt số 02 là sổ quỹ dùng để theo dõi việc thu, chi đối với các hoạt động của công ty không có hoá đơn chứng từ. Số liệu thể hiện trên sổ quỹ tiền mặt 02 không đưa vào báo cáo thuế và báo cáo quyết toán tài chính năm.

Hàng tháng, bà H, kế toán T và thủ quỹ T thực hiện kiểm tra quỹ tiền mặt trên 02 sổ quỹ 01 và 02. Tại thời điểm kiểm quỹ, bà H đều có lập biên bản kiểm quỹ tiền mặt, kiểm đếm số tiền mặt tồn thực tế theo từng loại sổ quỹ, xác định tồn quỹ theo sổ sách kế toán và tồn quỹ tiền mặt của thủ quỹ quản lý đều phù hợp với nhau, thành phần tham gia kiểm quỹ đều ký tên xác nhận. Đến ngày 30/4/2012, bà H xin nghỉ việc, bàn giao nhiệm vụ cho bà Nguyễn Thị Huỳnh M.

Từ ngày 01/5/2012, bà Nguyễn Thị Huỳnh M làm giám đốc và thực hiện việc kiểm quỹ hàng tháng như bà H. Mỗi lần kiểm quỹ, bà M yêu cầu Trần Thị T báo cáo số liệu tồn quỹ tiền mặt thực tế tại quỹ và tiến hành kiểm đếm cùng với Trần Thị T để trừ các chứng từ tạm ứng quỹ tiền mặt do T quản lý, sau đó Trần Thị T lập biên bản kiểm quỹ và đưa cho bà M cùng kế toán ký xác nhận.

Lợi dụng việc bà M thiếu kiểm tra sổ quỹ tiền do bị cáo T quản lý nên từ tháng 8/2012 bị cáo T đã thực hiện ghi lại sổ quỹ 01 do bị cáo T quản lý, tự ý đưa vào số tồn đầu kỳ ngày 01/7/2009 là "-758.884.075" đồng rồi tự cấn trừ giảm dần số âm này đến khi nghỉ việc vẫn còn nợ 15.584.383 đồng để chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo Định. Quá trình trình điều tra xác định số tiền và thủ đoạn chiếm đoạt tiền của bị cáo Trần Thị T trong giai đoạn bà Nguyễn Thị Huỳnh M làm giám đốc như sau:

* Về số tiền bị cáo Trần Thị T chiếm đoạt:

Năm 2015 Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tài chính xác định số tồn quỹ của Công ty Bảo Định từ ngày 01/7/2010 đến ngày 11/4/2013.

Tại Kết quả giám định về tài chính-kế toán ngày 30/01/2015 của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang kết luận: Số dư tiền mặt từ ngày 01/7/2010 đến ngày 09/4/2013 trên sổ quỹ 01 của Công ty TNHHDV vệ sĩ - bảo vệ Bảo Định là 716.422.404 đồng.

Năm 2021, Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tài chính - kế toán đối với các chứng từ đã thu của Công ty Bảo Định từ ngày 01/5/2012 đến ngày 11/4/2013.

Tại Kết luận giám định tài chính - Kế toán ngày 12/8/2021 của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang, kết luận:

Tồn quỹ tiền mặt giai đoạn từ ngày 01/5/2012 đến ngày 11/4/2013 là 551.727.967 đồng.

Có 18 chứng từ Tuyết không ký tên với số tiền 125.262.000 đồng (BL 10069-10071).

Như vậy số tiền tồn quỹ được giám định giảm còn: 551.727.967 đồng so với trước đó đã được giảm trừ do 02 nguyên nhân sau:

1) Giảm trừ số tiền 78.104.800 đồng tiền tồn quỹ do bà Vương Thị Mỹ H bàn giao cho bà M khi nhận nhiệm vụ Giám đốc.

Lời khai của bà H, bà M xác định tồn quỹ giai đoạn bà H là 78.104.800 đồng được bàn giao cho bà M khi nghỉ việc. Tuy nhiên, T khai nhận số tiền khi bàn giao ngày 17/5/2012 quỹ tiền mặt còn hơn 02 triệu đồng, không phải 78.104.800 đồng như lời khai của bà H, bà M. Ngoài lời khai của bà M, bà H thì Cơ quan điều tra không thu được tài liệu xác định việc chuyển giao 78.104.800 đồng từ bà H sang bà M. Do vậy, trên cơ sở các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, chưa đủ căn cứ để quy kết T đã chiếm đoạt số tiền 78.104.800 đồng.

2) Giảm trừ số tiền 86.589.667 đồng. Do quá trình điều tra trước đây xác định trên phiếu chi ngày 20/5/2012 bị cáo T có chi 157.924.667 đồng. Nay xác định bị cáo T chi thực tế là 244.514.304 đồng theo Phiếu chi số 04 ngày 20/5/2012 đã thể hiện, chênh lệch tăng chi 86.589.667 đồng.

Ngoài ra tại kết luận giám định tài chính ngày 12/8/2021 xác định có 18 chứng từ bị cáo T không ký tên với số tiền 125.262.000 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền này đã được bị cáo T bút toán vào sổ quỹ 01. Cơ quan điều tra đã thu được tài liệu từ các đối tác của Công ty Bảo Định có chi cho Công ty Bảo Định. Tuy nhiên Cơ quan điều tra không chứng minh được thời điểm nhập quỹ số tiền này. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, chỉ đủ căn cứ xác định số tiền tồn quỹ 426.465.937 đồng (551.727.967 đồng - 125.262.000 đồng).

Như vậy số tổng số tiền bị cáo Trần Thị T chiếm đoạt của Công ty Bảo Định 442.050.320 đồng (426.465.937 đồng chênh lệch thu chi + 15.584.383 đồng tiền cấn trừ khi bàn giao âm quỹ).

* Về thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt:

Để chứng minh bị cáo Trần Thị T tiêu hủy Sổ quỹ do mình quản lý và viết lại Sổ quỹ 1 để đưa vào con số "-758.884.075", Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tuổi mực quyển sổ này. Kết quả như sau:

Tại Bản Kết luận giám định số 31/2021/TTTVGĐDS ngày 25/8/2021 của Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Hiệp hội các Hội khoa học và Công nghệ Việt Nam, kết luận:

"1. Tài liệu A1: Tờ mặt sau trang số 1, đề tháng 7/2009, bút lục 685 là tờ liền trang khổ giấy A3 với tờ ghi trang số 94, ghi tháng 08/2012, bút lục 732.

- Chữ viết, chữ số trên trang số 1, mặt sau bút lục 685 (A1) không được viết vào tháng 07/2009, mà được viết vào khoảng tháng 8 năm 2012 (sai số + 2 tháng).

- Chữ viết, chữ số trên trang số 94, bút lục 732 được viết trong khoảng tháng 8 năm 2012 (sai số + 2 tháng).

2. Tài liệu A2:

Chữ viết, chữ số trên trang 89, ghi tháng 05/2012, mặt sau bút lục 729 (A2) được viết trong khoảng tháng 8/2012 (sai số + 2 tháng).

3. Tài liệu A3:

Chữ số, chữ viết trên trang số 1, ghi tháng 09/2012, mặt sau bút lục 734 (A3) được viết khoảng tháng 1/2013 (sai số + 2 tháng)".

Trên cơ sở tài liệu giám định nêu trên, Cơ quan điều tra có đủ căn cứ xác định con số "-758.884.075" tồn đầu kỳ 01/7/2009 trên Sổ quỹ của bị cáo Trần Thị T là con số không phản ảnh đúng thực tế. Quyển sổ cũ đã được bị cáo Trần Thị T tiêu hủy và bị cáo T viết lại Quyển sổ mới vào khoảng tháng 8 năm 2012 để đưa vào quỹ tiền mặt bị tồn âm vào tháng 7/2009 sau đó cấn trừ dần cho đến

khi nghỉ việc mà không cần bàn giao tiền quỹ cho Công ty, từ đó bị cáo T chiếm đoạt tiền của Công ty Bảo Định.

2. Quá trình điều tra bị cáo Trần Thị T khai nại ra 02 lý do khác nhau với mục đích không phải hoàn trả số tiền quỹ đã chiếm đoạt của Công ty Bảo Định. Tuy nhiên Cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu chứng cứ để bác bỏ lời khai nại của bị cáo Trần Thị T, cụ thể như sau:

1) Quá trình điều tra ban đầu bị cáo Trần Thị T trình bày: Do Công ty Thiên Long hoạt động không hiệu quả nên hàng tháng (từ tháng 8/2008 trở về trước) Trần Văn L đã dùng tiền cá nhân chi cho hoạt động của công ty và thua lỗ trên 700 triệu đồng. Vì vậy, Trần Văn L chuyển đổi tên Công ty Thiên Long thành Cty Bảo Định vào ngày 19/8/2008 để duy trì hoạt động cùng với ông Hồ Tấn Đ và một số thành viên khác. Bị cáo Trần Thị T khai khi Công ty Thiên Long chuyển đổi thành Công ty Bảo Định, toàn bộ sổ sách kế toán, chứng từ, sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ, công nợ thể hiện hoạt động của Công ty Thiên Long được bị cáo Trần Thị T giữ nguyên và chuyển sang Công ty Bảo Định, tiếp tục cập nhật cho đến khi nghỉ việc còn âm số tiền 15.584.383 đồng.

Trên cơ sở lời khai của bị cáo Trần Thị T về việc mang phần công nợ của Công ty Thiên Long sang Công ty Bảo Định. Cơ quan điều tra thu thập chứng cứ xác định như sau:

Lời khai của ông Phan Quốc D, Nguyễn Minh L, Đoàn Văn L là thành viên góp vốn của Công ty Bảo Định xác định: Trần Văn L bán Công ty Thiên Long, ông Hồ Tấn Đ đại diện thành viên góp vốn mua lại Công ty Thiên Long của Trần Văn Lên với giá 50.000.000 đồng, sau đó đổi tên thành Công ty Bảo Định và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/9/2008. Số tiền bán công ty, Trần Văn L không nhận bằng tiền mặt mà tiếp tục góp vốn vào Công ty Bảo Định để kinh doanh. Các thành viên góp vốn khẳng định chỉ mua thương hiệu, bàn ghế làm việc và máy vi tính của Công ty Thiên Long, không có mua công nợ của Công ty Thiên Long.

Đối với Trần Văn L, trong giai đoạn đơn tố cáo Trần Văn L khai về việc mua bán Công ty Thiên Long cho ông Hồ Tấn Đ, việc hùn vốn, đổi tên thành Công ty Bảo Định và việc mở sổ hoạt động kinh doanh của Công ty Bảo Định phù hợp lời khai của ông D, L, L. Tuy nhiên, sau khi bị cáo Trần Thị T bị khởi tố bắt giam, Trần Văn L thay đổi lời khai và cho rằng khi bán Công ty Thiên Long cho ông Hồ Tấn Đ đồng thời bán công nợ do Công ty Thiên Long thua lỗ trên 700.000.000 đồng cho ông Đ và sau khi chuyển tên thành Công ty Bảo Định thì sổ sách kế toán có cập nhật theo dõi công nợ thua lỗ trên 700.000.000 đồng của Công ty Thiên Long (Trần Văn L là em ruột của bị cáo T).

Đối với ông Hồ Tấn Đ đã chết, cơ quan điều tra không tiến hành mời làm việc được.

Cơ quan điều tra thu thập việc kê khai báo cáo thuế của Công ty Thiên Long tại Chi cục thuế thành phố Mỹ Tho, tài liệu thu thập được thể hiện: Năm

2007 Công ty Thiên Long kinh doanh lãi số tiền 91.389.439 đồng và từ tháng 01/2008 đến tháng 8/2008 kinh doanh lãi số tiền 7.683.950 đồng.

Căn cứ tài liệu thu thập được nêu trên xác định lời khai của bị cáo Trần Thị T và Trần Văn L là sai sự thật. Thực tế không có việc chuyển đổi công nợ từ Công ty Thiên Long sang Công ty Bảo Định.

2) Sau đó bị cáo Trần Thị T tiếp tục khai nại ra lý do khác để không phải trả tiền tồn quỹ cho Công ty Bảo Định, cụ thể bị cáo T khai: Trong giai đoạn từ tháng 9/2008 đến tháng 6/2009, bị cáo T tự ý đại diện công ty mượn tiền của các thành viên góp vốn Công ty Bảo Định với tổng số tiền là 781.000.000 đồng để chi cho hoạt động của công ty, số tiền này bị cáo T khai tự nhớ và theo dõi chứ không được kế toán ra phiếu thu để cập nhật vào sổ quỹ để theo dõi công nợ, cụ thể mượn: Trần Văn L là 346.000.000 đồng, Trần Văn T là 145.000.000 đồng, Hồ Tấn Đ là 230.000.000 đồng, Ngô Thị Mỹ L là 30.000.000 đồng.

Đến khoảng giữa tháng 6/2009, bị cáo T trả cho ông Hồ Tấn Đ 30.000.000 đồng nhưng không ra phiếu chi, không ghi chép vào sổ quỹ để giảm trừ công nợ. Số tiền nợ còn lại là 751.000.000 đồng, bị cáo T tiếp tục tự nhớ và tổng hợp thu chi của Công ty Bảo Định, bị cáo T xác định số tiền tồn quỹ của Cty Bảo Định đến ngày 30/6/2009 là: -758.884.075 đồng. Bị cáo Trần Thị T khai sổ quỹ tiền mặt của bị cáo T lập trong giai đoạn này là quyển tập học sinh loại 100 trang, khi hết sổ bị cáo T đã nộp lại công ty, quyển sổ này bị cáo T khai đã bị thất lạc. Đến đầu tháng 7/2009, Công ty Bảo Định sử dụng mẫu sổ quỹ tiền mặt do Bộ Tài chính ban hành, bị cáo Trần Thị T tổng hợp số liệu tồn quỹ trên sổ tay sang sổ quỹ theo mẫu Bộ Tài chính với con số tồn quỹ đầu kỳ tháng 7/2009 là: -758.884.075 đồng.

Khoảng thời gian từ 7/2009 đến tháng 3/2010, bị cáo T đã lấy nguồn thu hàng tháng của Công ty Bảo Định để trả hết phần nợ 751.000.000 đồng của các cá nhân đã cho mượn nêu trên nhưng không nhớ thời gian trả nợ cho từng người. Từ tháng 3/2010 đến 6/2010, bị cáo T tiếp tục mượn của các thành viên góp vốn của công ty với tổng số tiền là 717.000.000 đồng, số tiền này T khai tự nhớ, kế toán không lập phiếu thu, bị cáo T cũng không ghi chép vào sổ quỹ để theo dõi công nợ phải trả của công ty, cụ thể mượn: Ngô Thị Mỹ L là 350.000.000 đồng, Phan Quốc D là 130.000.000 đồng, Đoàn Văn L là 120.000.000 đồng, Nguyễn Minh L là 77.000.000 đồng, Huỳnh Văn Th là 40.000.000 đồng.

Thời gian từ tháng 7/2010 đến 31/12/2012, bị cáo Trần Thị T sử dụng nguồn thu hàng tháng của Công ty Bảo Định để trả cho các cá nhân nêu trên nhưng T không yêu cầu kế toán lập phiếu chi để cập nhật vào sổ quỹ. Trên sổ quỹ bị cáo T sử dụng số âm quỹ đầu kỳ tháng 7/2009 để cấn trừ dần nhưng không ghi cụ thể là chi trả, cấn trừ cho hoạt động gì. Tại thời điểm ngày 31/12/2012, trên sổ quỹ do bị cáo Trần Thị T ghi chép thể hiện tồn quỹ số tiền là - 351.491.443 đồng. Từ ngày 31/12/2012 đến ngày 11/4/2013, hàng tháng bị cáo T lấy tiền lợi nhuận thu được của công ty để trừ cho đến khi nghỉ việc bàn giao nhiệm vụ thủ quỹ thì quỹ của Công ty Bảo Định còn là -15.584.383 đồng.

Như vậy để lý giải số "-758.884.075", bị cáo Trần Thị T khai T tự mượn nợ của người khác sử dụng cho Công ty Bảo Định, đến đầu tháng 7/2009, khi sử dụng mẫu sổ quỹ tiền mặt do Bộ Tài chính ban hành, Trần Thị T tổng hợp số liệu tồn quỹ trên sổ tay sang sổ quỹ theo mẫu Bộ Tài chính với con số tồn quỹ đầu kỳ ngày 01/7/2009 là - 758.884.075 đồng.

Để chứng minh lời khai nại của bị cáo Trần Thị T về việc tự vay mượn tiền của người khác sử dụng cho Công ty dẫn đến con số -758.884.075 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập các tại liệu chứng cứ được 10 quyển Sổ cái, 10 quyển Sổ quỹ tiền mặt của kế toán, Báo cáo tài chính của Công ty Bảo Định tại Chi cục thuế thành phố Mỹ Tho, tài liệu thu thập được thể hiện: Năm 2008 Công ty Bảo Định kinh doanh lỗ số tiền 88.604.607 đồng, tuy nhiên năm 2009 kinh doanh lãi số tiền 131.640.694 đồng và 01 quyển Sổ tay cá nhân của bị cáo Trần Thị T ghi nhận hoạt động thu chi và tồn quỹ của Công ty Bảo Định. Từ các căn cứ nêu trên cho thấy số liệu tồn quỹ của Cty Bảo Định do Trần Thị T tự tổng hợp và khai đến ngày 30/6/2009 là -758.884.075 đồng không có thật.

Trên cơ sở lời khai của bị cáo Trần Thị T về việc mượn các thành viên công ty với tổng số tiền là 717.000.000 đồng để chi cho các hoạt động của công ty. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với các thành viên công ty có liên quan lời khai của bị can về việc mượn tiền, qua làm việc họ khẳng định không có cho Trần Thị T mượn số tiền 717.000.000 đồng. Tiến hành cho đối chất nhưng các bên đều giữ quan điểm của mình. Bên cạnh đó sổ quỹ của Trần Thị T ghi chép trong giai đoạn này không thể hiện nội dung vay, mượn và trả liên quan đến số tiền 717.000.000 đồng và không có tài liệu (chứng từ thu, chi) nào khác chứng minh lời khai của bị cáo.

Mặt khác khoảng giữa tháng 06/2010, bà Vương Thị Mỹ H yêu cầu Trần Thị T và Nguyễn Ngọc T kiểm tra sổ sách xác định số liệu tồn quỹ của Cty Bảo Định trước khi bà H nhận nhiệm vụ Giám đốc (bà Huệ nhận nhiệm vụ Giám đốc Cty Bảo Định vào ngày 01/7/2010). Qua kiểm tra phát hiện quỹ bị âm, bà H yêu cầu T giải trình, Trần Thị T báo cáo là do số tiền 160.000.000 đồng mượn của 03 thành viên công ty (bà Ngô Thị Mỹ L 80.000.000 đồng, ông Đoàn Văn L 40.000.000 đồng và ông Huỳnh Văn T 40.000.000 đồng) chưa đưa vào sổ sách. Bà H yêu cầu T và kế toán T cập nhật tất cả các khoảng tiền mượn để chi cho các hoạt động của công ty vào sổ sách để có kế hoạch chi trả sau này (phiếu thu số 41 ngày 19/6/2010). Trên cơ sở đó, Trần Thị T, bà H, kế toán T kiểm tra đối chiếu xác định tồn quỹ tiền mặt theo sổ sách của Công ty Bảo Định đến ngày 30/6/2010 là: 22.563.980 đồng, số liệu này được sử dụng làm số liệu tồn đầu kỳ tháng 7/2010 thể hiện trên bảng tổng hợp chứng từ 01 của Cty Bảo Định, ngoài số tiền này không còn số tiền nợ nào khác. Số tiền này đã được Công ty Bảo Định thanh toán trả xong cho các thành viên công ty gồm: thanh toán trả cho ông Đoàn Văn L thể hiện tại phiếu chi số 02 ngày 03/7/2010 và phiếu chi số 06 ngày 07/7/2010 (BL 659-660, 2066, 2068); thanh toán trả cho bà Ngô Thị Mỹ L thể hiện tại phiếu chi số 06 ngày 06/7/2010 và phiếu chi số 06 ngày 23/8/2011 (BL 616, 618, 2067, 3525); thanh toán trả cho ông Huỳnh Văn Th thể hiện tại phiếu chi số 04 ngày 09/9/2010 (BL 2267). Đây là tài liệu chứng minh việc công

ty Bảo Định mượn nợ và thanh toán nợ của công ty với số tiền 160.000.000 đồng. Tài liệu này phù hợp với lời khai của những người có liên quan trong việc cho công ty mượn tiền. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập nêu trên xác định việc bị cáo Trần Thị T khai do công ty làm ăn thua lỗ nên mượn của các thành viên công ty tổng số tiền là: 717.000.000 đồng để chi cho hoạt động và sử dụng nguồn thu hàng tháng để chi trả là không có cơ sở vì các thành viên của công ty xác định không có cho T mượn số tiền 717.000.000 đồng và sổ quỹ do T ghi chép để theo dõi cũng không thể hiện.

Hoạt động của Cty Bảo Định từ ngày 01/7/2010 đến 30/4/2012.

Trần Thị T khai từ tháng 7/2010, bị cáo T sử dụng nguồn thu hàng tháng của Công ty Bảo Định để trả cho các cá nhân số tiền đã vay 717.000.000 đồng nhưng T không yêu cầu kế toán lập phiếu chi để cập nhật vào sổ quỹ là không có cơ sở, vì:

Trần Thị T khai từ tháng 7/2010 T tự lấy tiền Công ty chi trả nợ vay và đã trả xong 717.000.000 đồng vào cuối tháng 12/2012, đồng thời xác định Công ty Bảo Định không còn nợ các thành viên công ty. Tuy nhiên trên sổ quỹ của Trần Thị T lại thể hiện số tồn quỹ tiền mặt của Công ty Bảo Định thời điểm ngày 31/12/2012 là: - 351.491.443 đồng, như vậy lời khai này hoàn toàn mâu thuẫn.

Ngoài ra trong gia đoạn này hàng tháng bà Vương Thị Mỹ H có yêu cầu T, T kiểm quỹ và lập biên bản cụ thể. Đến ngày 01/5/2012 bà H giao nhiệm vụ giám đốc lại cho bà M, tại thời điểm ngày 30/4/2012 tồn quỹ tiền mặt 01 theo sổ sách của Công ty Bảo Định là: 78.152.901 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định tài chính, Bản kết luận giám định tài chính ngày 12/8/2021 của Sở tài chính xác định: Từ 01/7/2010 đến 09/4/2013 hệ thống chứng từ thu chi "Có 23 phiếu thu ghi nội dung huy động vốn với tổng số tiền 1.163.500.000 đồng. Có 22 phiếu chi ghi nội dung trả vốn huy động 1.128.500.000 đồng. Về tiền vay có 07 phiếu thu ghi huy động vốn trả lãi của các thành viên 370.000.000 đồng. Không phát sinh số tiền có nội dung trả tiền vay".

Như vậy trong hệ thống chứng từ thu, chi đều có ghi đầy đủ việc hạch toán số tiền huy động vốn, hoặc tiền vay của các thành viên theo quy định. Không phát sinh số tiền trả nợ vay như Trần Thị T đã khai.

Từ các tài liệu nêu trên, Cơ quan điều tra xác định lời khai của bị cáo T về số tiền bị cáo tự vay mượn nợ cho Công ty với số tiền 758.884.075 đồng trước ngày 01/7/2009 cũng như khoản nợ bị cáo T vay 717.000.000 đồng thời điểm trước ngày 01/7/2010 là không đúng sự thật.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị T** phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 175, khoản 2 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian bị cáo Trần Thị T bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2014 đến ngày 21/01/2020 nên xem như bị cáo Trần Thị T đã chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho. Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án, hồ sơ vụ án đối với việc điều tra, truy tố, xét xử gây oan sai cho bị cáo.

* Tại phiên toà phúc thẩm: Bị cáo cho rằng sổ sách kế toán của công ty không được đối chiếu với sổ sách theo dõi của bị cáo, không đúng qui trình theo chỉ đạo của Ban giám đốc công ty, việc cho mượn tiền là do Ban giám đốc chỉ đạo, các thành viên công ty đưa tiền cho bị cáo để chi trả lương của công ty, có việc kiểm toán sổ sách tại thời điểm bị cáo nghĩ việc, công ty tự tiêu huỷ giấy tờ tài liệu sổ sách mà không đối chiếu với tài liệu của bị cáo. Từ đó không thực hiện hành vi phạm tội, gây oan sai đối với bị cáo.

Người liên quan là anh T, anh L trình bày không có việc mua bán từ công ty Thiên Long sang công ty Bảo Định mà là chuyển giao góp vốn mà các anh là một trong các thành viên góp vốn. Bà Vương Thị Mỹ H trình bày thời điểm bà làm giám đốc công ty từ năm 2010 đến năm 2012 không có việc các thành viên công ty bỏ tiền ra cho công ty mượn tiền để chi trả lương của công ty, trong thời gian này công ty có nguồn thu lợi nhuận lớn, không có việc thiếu hụt thua lỗ, có sự đối chiếu tài liệu thu chi, kiểm quỹ hàng tháng có sự chứng kiến ký tên của kế toán, thủ quỹ và bà là giám đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, quá trình điều tra có nhiều tài liệu thu thập, chứng cứ vững chắc có căn cứ truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, không oan sai; từ đó phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, yêu cầu kháng cáo của bị cáo T không thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có căn cứ chứng minh, đại diện Viện kiểm sát phân tích nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội, mức án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết nào mới để xem xét, nên kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư N tham gia bào chữa cho bị cáo trình bày: Về kết luận tài chính, kiểm toán độc lập chưa được làm rỏ, đã bị bác bỏ mà làm chứng cứ buộc tội bị

cáo là không đúng. Số tiền buộc bị cáo chiếm đoạt không cụ thể rỏ ràng về thời gian, cách thức chiếm đoạt, nhiệm vụ của bị cáo là thủ quỹ nếu có vi phạm pháp luật thì phải xử lý về tội danh tham ô tài sản, do đó truy tố bị cáo tội danh là không đúng. Không làm rỏ hành vi của những người có trách nhiệm trong công ty có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nếu xác định bị cáo phạm tội. Tài liệu truy tố bị cáo không phù hợp, cấp sơ thẩm ấn định thời gian hình phạt của bị cáo không đúng. Từ đó đề nghị huỷ án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Luật sư L trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo số tiền chiếm đoạt chuyển thẩm quyền về cấp huyện xét xử là không cần thiết, thống nhất về căn cứ tài liệu giám định để truy tố bị cáo là không đúng, chưa có căn cứ về sổ sách tài liệu của các cơ quan chuyên môn về tài chính, kiểm toán, có hành vi tiêu huỷ tài liệu chứng cứ hồ sơ là sổ sách kế toán của công ty trong vụ án. Đề nghị huỷ án sơ thẩm.

Luật sư T trình bày: Viện kiểm sát truy tố bị cáo số tiền chiếm đoạt là thiếu căn cứ, thống nhất về tài liệu giám định là thiếu căn cứ, giám định không đầy đủ về chuyên môn tài chính, không có cơ sở làm căn cứ để truy tố bị cáo, cùng là cơ quan Viện kiểm sát tỉnh Tiền Giang tham gia cấp sơ thẩm và tiếp tục tham gia cấp phúc thẩm là không khách quan. Bản án số 473 ngày 01/10/2019 đã chỉ rỏ các vấn đề thiếu sót, nhưng vẫn chưa được làm rỏ, tài liệu hồ sơ có mất là các tài liệu quan trọng để làm rỏ hành vi của bị cáo có phạm tội hay không. Bị cáo chỉ phạm tội tham ô tài sản nếu có căn cứ chứng minh, sửa án sơ thẩm nếu truy tố bị cáo phạm tội tham ô tài sản xử phạt nặng đối với bị cáo, còn không có căn cứ thì đề nghị huỷ án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Luật sư Chí K, Luật sư H và Luật sư H A gởi bài bào chữa đối với bị cáo. Đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội.

Luật sư H A bổ sung phần trình bày: Cần thực hiện việc kiểm toán để làm rỏ số tiền bị thất thoát của công ty Bảo Định, trong khi chưa thực hiện mà truy tố bị cáo, chưa làm rỏ số tiền cụ thể bị thất thoát để quy kết bị cáo chiếm đoạt là thiếu căn cứ. Thống nhất bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Về tố tụng: Do bị cáo kháng cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ quá trình điều tra đã thu thập để chứng minh tội phạm, không xem xét về thủ tục tố tụng đã được cấp sơ thẩm nhận xét và đánh giá đầy đủ và tại cấp phúc thẩm cũng không phát sinh và đề nghị nào khác về tố tụng.

[2]- Bị cáo Trần Thị T không thừa nhận hành vi phạm tội, căn cứ vào lời khai của bị hại là Công ty vệ sĩ Bảo Định, đối chất với lời trình bày của những người liên quan, những người làm chứng, tài liệu giám định, kết luận giám định tài chính, đối chiếu tài liệu kế toán, toàn bộ chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, mặc dù cáo trạng số: 28 ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Tiền Giang không đề cập nhưng có căn cứ theo quy chế làm việc của Công ty Bảo Định giao nhiệm vụ của bị cáo T là thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý tiền mặt, chi lương tạm ứng lương và một công việc khác liên quan về tiền của công ty như chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng về tiền mặt và chuyển khoản của công ty, thu hồi các khoản nợ bằng tiền mặt của công ty... Đồng thời theo các biên bản kiểm quỹ từ năm 2009 – các tháng 6, 9, 10, 11 của năm 2011 – các tháng 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 của năm 2012 và tháng 01 – 4 của năm 2013 có chữ ký tên xác nhận của kế toán, thủ quỹ là bị cáo T và giám đốc công ty thể hiện số tiền mặt của công ty là còn dư nhiều. Ngay khi bị cáo T xin nghỉ việc, qua kiểm tra bàn giao tài liệu và tiền mặt thì phát hiện số tiền Công ty vệ sĩ Bảo Định bị thất thoát là 716.477.249 đồng; quá trình điều tra, có các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu hồ sơ sổ sách kế toán, báo cáo thuế, sau khi giảm trừ các khoản tiền không có căn cứ bị cáo T chiếm đoạt; có đầy đủ cơ sở tại thời điểm bị cáo T nghỉ việc là thời điểm bị phát hiện hành vi số tiền bị cáo T lợi dụng nhiệm vụ được giao là thủ quỹ đã chiếm đoạt của Công ty Bảo Định số tiền là 442.050.320 đồng, có căn cứ truy tố bị cáo theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3]- Bị cáo không thừa nhận hành vi, có nhiều lời trình bày như công ty làm ăn thua lỗ, bị thiếu nợ, do bị cáo tự cho mượn tiền của công ty cho các thành viên công ty để chi trả lương, nhưng không thống nhất, có sự mâu thuẩn với nhau, không được thừa nhận; bị cáo có ý thức chủ quan tiêu huỷ hồ sơ quỹ và tạo lập hồ sơ mới với các số tiền nợ không phù hợp hồ sơ kế toán của công ty, không phù hợp thời gian, không đối chiếu việc thu chi sổ sách kế toán hàng tháng, hàng năm là không đúng quy trình tài chính, có sự gian dối.

Bị cáo kháng cáo cho rằng không thực hiện hành vi phạm tội, cho rằng có sự chuyển giao từ nợ của Công ty Thiên Long sang Công ty Bảo Định, tự ý cho mượn tiền các thành viên góp vốn, các thành viên công ty đưa tiền cho bị cáo để chi trả lương do công ty thua lỗ; nhưng lời tự trình bày của bị cáo không có căn cứ chứng minh, không phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không phù hợp lời khai của những người có liên quan, không phù hợp lời trình bày của bà Vương Thị Mỹ H là giám đốc công ty tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay; lời khai bị cáo đưa ra là người trong gia đình, người thân của bị cáo không đảm bảo khách quan, và người đã chết là không có căn cứ để đối chất; bị cáo cho rằng công ty thua lỗ từ năm 2009 với số âm là 758.884.075 đồng là không đúng với các biên bản kiểm quỹ hàng năm từ 2009 đến tháng 4/2013, nếu công ty thua lỗ thì không thể thực hiện việc chi trả lương cũng như các khoản chi khác trong công ty mà bị cáo là người có trách nhiệm chi trả; cơ quan điều tra đã điều tra và thu thập toàn bộ tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc bị cáo bị oan sai, không thực hiện hành vi phạm tội, không bổ sung thêm tình tiết nào khác, hình phạt áp dụng đối với bị cáo tại cấp sơ thẩm cũng không nặng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]- Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Trình bày và đề nghị của các Luật sư bào chữa cho bị cáo T, Hội đồng xét xử xem xét nhưng không được chấp nhận bị cáo T không phạm tội.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5]- Do kháng cáo cho rằng không có hành vi phạm tội của bị cáo T không được chấp nhận, nên các phần khác của bản án sơ thẩm có liên quan vụ án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Thị T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2024/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

2. Tuyên bố bị cáo **Trần Thị T** phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Căn cứ Nghị quyết số 41 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 175, khoản 2 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian bị cáo Trần Thị T bị bắt tạm giam từ ngày 23/5/2014 đến ngày 21/01/2020 nên xem như bị cáo Trần Thị T đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. Mỹ Tho;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- Công an TP. Mỹ Tho;
- THADS TP. Mỹ Tho;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Ngọc Giàu